

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn Ch - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn CL1, xã TC, huyện TT, tỉnh TH.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn CL1, xã TC, huyện TT, tỉnh TH.

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3,4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Trương Đức Q (Giới tính: nam), sinh ngày: 17/5/2006 và cháu Trương Thanh K (Giới tính: nam), sinh ngày: 31/01/2013. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Trương Văn Ch và chị Nguyễn Thị H thống nhất, thỏa thuận: Anh Trương Văn Ch chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng anh Ch đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007633 ngày 11/5/2022. Anh Trương Văn Ch được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TC, huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Văn Tuấn**